

# VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC VÀ YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

TS. TRẦN THỊ BÍCH LIỄU  
Trưởng Đại học sư phạm Hà Nội

**Đ**ổi mới giáo dục (GD) và quản lý giáo dục (QLGD) Việt Nam được tiến hành trong một bối cảnh đặc biệt: nhiều cơ hội, thách thức và khó khăn phức tạp. Hơn lúc nào hết chúng ta cần xác định rõ ràng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực đào tạo cán bộ quản lý - lãnh đạo giáo dục (CBQL-LĐGD). Đây là khâu then chốt quyết định sự thành công của tiến trình đổi mới GD và QLGD hiện nay.

Vấn đề này bao gồm các yếu tố kinh tế - xã hội (KT-XH) và các vấn đề nhận thức luận. Từ góc độ KT-XH có thể thấy GD và QLGD Việt Nam chịu tác động chính của các yếu tố sau: - cơ chế thị trường, các quy luật kinh tế của nó và định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) của nền kinh tế thị trường (KTTT) ở Việt Nam; - kinh tế tri thức; - công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá (CNH - HĐH) đất nước; - vấn đề toàn cầu hoá. Ngoài ra còn có nhiều yếu tố khác, trong đó nền kinh tế (KT) nông nghiệp còn chiếm một vị trí khá quan trọng trong đời sống của người dân Việt Nam, các yếu tố văn hoá truyền thống,...

Với quan điểm trên, chúng ta có thể xem xét GD là một loại hình KT và dịch vụ. Nước ta xây dựng nền KTTT theo định hướng XHCHN và đây là nền KTTT rất đặc trưng của Việt Nam. Nền KT này vừa chịu sự chi phối của "bàn tay" thị trường với các đặc trưng của nó như: *cung - cầu, cạnh tranh và giá cả, đồng thời phải đảm bảo các yếu tố lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và vấn đề công bằng xã hội.*

Trong nền KTTT, nhu cầu của khách hàng vô cùng đa dạng. Đối với GD, các khách hàng bao gồm: *khách hàng trong* là đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, các tổ chức GD; *khách hàng ngoài* gồm học sinh, phụ huynh, các thành viên của cộng đồng, các tổ chức sử dụng sản phẩm GD. Chất lượng sản phẩm GD được khẳng định khi nó đáp ứng được các nhu cầu đa dạng ngày càng cao của các khách hàng khác nhau.

Giá cả là một trong những yếu tố chi phối cán cân cung - cầu và đó là một trong các yếu tố tạo nên tính cạnh tranh. Giá cả hàng hoá được xác định thông qua thị trường, là sự thoả thuận giữa người bán và người mua. Cung càng nhiều giá càng rẻ và ngược lại. Trong điều kiện khan hiếm

nguồn lực của GD, GD cần làm như thế nào để với nguồn lực khan hiếm này tạo được những sản phẩm đào tạo giá thành hạ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.

Cạnh tranh là yếu tố để nâng cao chất lượng và là yếu tố cần thiết để một cơ sở sản xuất hay một tổ chức GD tồn tại. Các cơ sở GD sẽ phải cạnh tranh khi có nhiều loại hình GD cùng hoạt động, phát triển. Cạnh tranh tạo nên những sản phẩm có chất lượng cao và giá thành hạ, có lợi cho người tiêu dùng.

Các yếu tố này của thị trường chi phối và ảnh hưởng đồng bộ đến mọi quá trình sản xuất hàng hoá và dịch vụ. GD được xem là một loại hình KT, sản xuất một loại hàng hoá đặc biệt: vừa là hàng hoá sản xuất vừa là hàng hoá tiêu thụ. Khi kiến thức và kĩ năng về một nghề chuyên môn được sử dụng để sản xuất một loại hàng hoá khác thì GD là hàng hoá sản xuất. Nhưng khi GD được sử dụng để làm giàu kiến thức cho một cá nhân, thoả mãn nhu cầu hiểu biết của người đó thì nó là hàng hoá tiêu thụ. GD làm tăng nhu cầu của con người, đồng thời nó sản sinh ra xã hội với năng lực sản xuất đặc biệt để thoả mãn các nhu cầu vật chất và phi vật chất của nhân loại.

Mặt khác, KTTT về bản chất là phi trung ương hoá, linh hoạt, thực tế và luôn luôn thay đổi. Yếu tố trọng tâm của KTTT là ở đây không có trung tâm mà là "bàn tay vô hình". Nó đòi hỏi mọi quá trình quản lý KT và xã hội phải được phân cấp và phân quyền rõ ràng.

Là một loại hình KT, trong nền KTTT, GD hoạt động dưới sự tác động của cơ chế thị trường, một guồng máy vô hình điều tiết các mối quan hệ sản xuất, mua bán diễn ra trên thị trường theo những quy luật khách quan qua các yếu tố cung - cầu, giá cả và cạnh tranh nói trên. Mặt khác, do đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCHN, GD Việt Nam luôn luôn thực hiện các đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đảm bảo mục tiêu công bằng GD cho mọi người và có sự đầu tư, quản lý của Nhà nước. Quản lý của Nhà nước đảm bảo để GD không rơi vào tình trạng bị tự do thương mại hoá. Như vậy, nền GD của nước ta vừa phải hoạt động phù hợp với các quy luật của thị trường, vừa phải đảm bảo mục tiêu công bằng GD, thực hiện phân cấp, phân quyền, tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Bên cạnh các yếu tố KTTT theo định hướng XHCHN, GD và QLGD của nước ta chịu tác động

của sự nghiệp CNH-HĐH, nền KT tri thức và xu thế toàn cầu hoá.

Trong nền KT tri thức, tri thức được xem là yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất, thông tin là tài nguyên quan trọng nhất đối với mỗi cá nhân và mỗi nền KT, sáng tạo là động lực chủ yếu của sự phát triển xã hội. Nền KT tri thức đòi hỏi chúng ta phải làm chủ những loại kiến thức khác nhau, thường xuyên cập nhật, xử lý các loại thông tin khác nhau và có kĩ năng vận dụng chúng vào quá trình sản xuất để tạo ra những sản phẩm mới cho xã hội.

KT tri thức thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá trong tất cả mọi lĩnh vực: thông tin, KT, chính trị và văn hoá xã hội. Người ta có cả thế giới trong ngôi nhà của mình khi thực hiện nối mạng. Một sự kiện chính trị hay KT xảy ra ở một vùng nào đó ảnh hưởng đến đời sống của những con người ở nhiều quốc gia khác nhau. Nền KT của một nước sản xuất hàng hoá không phải để phục vụ chỉ cho quốc gia của mình mà phục vụ toàn thể nhân loại. Con người sống với những nền văn hoá khác nhau và tiếng Anh trở thành phương tiện giao tiếp phổ biến. Để giao tiếp có hiệu quả, con người cần nắm bắt các nghi thức giao tiếp phổ thông và các nghi thức giao tiếp mang tính đặc trưng của từng quốc gia, từng dân tộc. Con người lấy mục đích chung sống hoà bình và nguyên tắc hợp tác để tồn tại và phát triển, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc mình, tiếp thu tinh hoa và hoà mình chung với văn hoá nhân loại.

Sự nghiệp CNH-HĐH đưa đất nước và con người Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu để vươn lên theo kịp các nước phát triển trên thế giới.

Những yêu cầu của nền KTTT, KT tri thức, của xu thế toàn cầu hoá và sự nghiệp CNH-HĐH của nước ta đòi hỏi chúng ta đặt lại mục tiêu đào tạo nhân cách con người Việt Nam dựa trên chuẩn và tiêu chí xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH. Trong tương tác với các yếu tố này, con người Việt Nam cần có những phẩm chất và năng lực nhân cách hài hoà giữa các yêu cầu nhân văn và nhân trí, giữa trí tuệ và tâm hồn.

UNESCO đưa ra 10 kĩ năng cần thiết GD cho thanh niên thế giới hiện nay là: - xử lí thông tin; - làm việc có hiệu

quả trong một nhóm cộng đồng; - giao tiếp ứng xử xã hội và nhân văn; - ứng xử về tự nhiên và toán học; - sử dụng ngoại ngữ và vi tính; - cảm thụ và sáng tạo nghệ thuật; - phân tích và giải quyết vấn đề; - quản lí, điều hành; - phòng vệ sự sống và gia tăng sức khoẻ; - tự học suốt đời.

Khi mục tiêu đào tạo, chuẩn chất lượng GD thay đổi sẽ đòi hỏi những cách thức QLGD mới phù hợp với chúng. Để thực hiện được những cách thức quản lí mới này yêu cầu những người CBQLGD phải được đào tạo theo một cách thức phù hợp và có tư duy mới. CBQLGD Việt Nam cần có những hiểu biết cần thiết về KTTT và KT tri thức. Vì không thể điều hành một guồng máy quản lí trong cơ chế KTTT mà không hiểu biết về các đặc trưng của nền KTTT, các quy luật vận hành của nó. Đây là sự đòi hỏi người quản lí và người LĐGD không chỉ là một nhà GD, nhà sư phạm đơn thuần mà phải đồng thời là một nhà quản lí kinh doanh, có các kĩ năng tiếp thị và tư duy cạnh tranh. Những yêu cầu của cơ chế QLGD theo hướng phân cấp, phân quyền đòi hỏi CBQLGD phải có những kiến thức và kĩ năng mới, đặc biệt là kĩ năng tự quản về: tài chính, nhân sự, khả năng xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, giao tiếp cộng đồng,...

Mặt khác nền KTTT và xu thế toàn cầu hoá đòi hỏi nguồn nhân lực nói chung, CBQLGD nói riêng phải có năng lực sáng tạo, đổi mới và làm việc hợp tác.

Trong bối cảnh của thế kỉ XXI đầy biến động và thường xuyên thay đổi, QLGD là thực hiện quản lí thay đổi. Trong thế kỉ này những người làm công

*Bảng: Yêu cầu về tri thức và kĩ năng của CBQL-LĐGD Việt Nam*

| <i>Tri thức</i>   | <i>Kĩ năng</i>   |
|---|--|
| Khoa học sư phạm – hiểu biết các phương pháp dạy học  | Sư phạm  |
| Khoa học GD – hiểu biết về các phương pháp GD   | GD   |
| KTTT - hiểu biết đặc điểm và các quy luật của KTTT, tính chất phi tập trung hoá của nền KT này                | Kinh doanh, thực hiện quản lí phân cấp, phân quyền   |
| Kinh tế tri thức: hiểu biết đặc điểm và những yêu cầu chủ yếu của nền KT tri thức đối với nhân cách con người | 10 kĩ năng của UNESCO, đặc biệt là kĩ năng sáng tạo, đổi mới   |
| KTTT và KT tri thức luôn luôn biến động, đòi hỏi sự đổi mới và sáng tạo                                       | Lãnh đạo khi có sự thay đổi GD   |
| Toàn cầu hoá  | Sử dụng ngoại ngữ và vi tính, giao tiếp và sống trong những môi trường văn hoá khác nhau. Kĩ năng hợp tác trong lĩnh vực chuyên môn GD và QLGD |
| Đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN  | Triển khai, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về GD và công bằng GD   |
| CNH- HĐH: kiến thức và tư duy về CNH, HĐH   | Sử dụng thiết bị kĩ thuật vào công tác quản lí và lãnh đạo GD, hiện đại hoá công tác QLGD  |
| Phương pháp và cách thức tiến hành các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GD và QLGD                          | Nghiên cứu khoa học GD và QLGD   |

*(Xem tiếp trang 20)*

# VỀ CÁC YẾU TỐ...

(Tiếp theo trang 8)

tác lãnh đạo cần thiết phải có những kĩ năng của một nhà lãnh đạo tiến bộ: kĩ năng ảnh hưởng, thúc đẩy, khuyến khích cấp dưới làm việc, kĩ năng sáng tạo, tư duy chiến lược, kĩ năng hỗ trợ, đổi mới,...

Bên cạnh đó, CBQLGD phải là những nhà nghiên cứu khoa học. Chỉ khi nào họ thực hiện nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn thì các hoạt động QLGD mới đem lại hiệu quả và chất lượng cao. Vì kiến thức khoa học mới làm sâu sắc hơn và làm đổi mới các hoạt động QLGD trong thực tiễn.

Có thể thể hiện những yêu cầu về tri thức và kĩ năng của CBQLGD Việt Nam trong bảng sau (xem bảng trang 8):

Yêu cầu về kiến thức và kĩ năng đối với CBQL-LĐGD là vô cùng rộng và đa dạng. Để có được những kiến thức và kĩ năng này, chương trình đào tạo cần được cấu trúc theo một hình thức khác, tích hợp và tăng cường thực hành. Cần đẩy mạnh công tác chuẩn bị lực lượng CBQL-LĐGD kể cận trước khi họ được bổ nhiệm vào những cương vị mới. Quá trình đào tạo phải được nối

tiếp bằng quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của người cán bộ.

Mặt khác, phẩm chất đạo đức và tâm hồn là một yếu tố không thể thiếu tạo nên người CBQLGD trung thực, chính trực, nhân hậu. Những phẩm chất này là kết quả của một quá trình GD và rèn luyện lâu dài. Công tác tuyển chọn cán bộ có nhiệm vụ lựa chọn những người CBQLGD xứng đáng cả về trí tuệ lẫn phẩm chất tâm hồn và năng lực, những phẩm chất này sẽ thường xuyên được hoàn thiện trong suốt quá trình công tác, học tập của họ. □

## Tài liệu tham khảo

1. Roe L.Johns/ Edgar L.Morphet. "The economics and financing of education: a system approach". Prentice-Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey(1975).
2. Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus. **Kinh tế học**. NXB Chính trị quốc gia. H.1997.
3. Trần Thị Bích Liễu. "Lãnh đạo giáo dục thế kỉ 21". Tạp chí Thông tin quản lí giáo dục, Số 5(2003).
4. Vũ Văn Phúc - Trần Thị Minh Châu. **Một số vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta**. NXB Chính trị quốc gia, H.2001.
5. Nguyễn Quang Toàn. "Áp dụng mô hình quản lí tập trung vào chất lượng và hướng tới khách hàng QMS ISO 9001:2000". Trung tâm chất lượng quốc tế (5 /2004).